

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2020
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 811/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1976

Nơi cư trú: số 270, đường Tua Hai, tổ 7, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đơn Hoài L, sinh năm 1976

Nơi cư trú: số 270, đường Tua Hai, tổ 7, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, chị Trần Thị L (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Đơn Hoài L chung sống với nhau vào năm 1997 không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh chị bất đồng ý kiến không đồng chung quan điểm, không hòa hợp từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh chị ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc không hàn gắn lại được nên chị làm đơn xin ly hôn đối với anh L.

Về con chung: Đơn Thị Thanh T, sinh ngày 01/02/ 1998, Đơn Hoàng H, sinh ngày 23/5/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Đơn Hoài L – bị đơn trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L, anh và chị L chung sống với nhau vào năm 1997 không đăng ký kết hôn, sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh chị bất đồng ý kiến không đồng chung quan điểm trong sinh hoạt gia đình, không hòa hợp từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh chị ly thân ba năm nay, chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Đơn Thị Thanh T, sinh ngày 01/02/ 1998, Đơn Hoàng H, sinh ngày 23/5/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

Tài liệu chứng cứ của vụ án: 01 đơn khởi kiện ghi ngày 18/12/2019; 02 bản sao giấy khai sinh con; Bản sao CMND và HKTT; đơn xác nhận tình trạng hôn nhân.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 9; 14; 15; 51; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Đơn Hoài L là vợ chồng. Về con chung: Đơn Thị Thanh T, Đơn Hoàng H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có; không giải quyết.

Chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Đơn Hoài L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị L, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh L chung sống với nhau vào năm 1997, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật anh, chị đã vi phạm vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh, chị không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Đơn Thị Thanh T, sinh ngày 01/02/1998, Đơn Hoàng H, sinh ngày 23/5/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh L khai không có.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh L không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 14; 15; 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Tuyên bố:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Đơn Hoài L là vợ chồng.

2. Về con chung: Đơn Thị Thanh T, sinh ngày 01/02/1998, Đơn Hoàng H, sinh ngày 23/5/2001, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L, anh L khai không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006595 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Đơn Hoài L không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Phan Thị Hưởng